

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN (ĐIỀU CHỈNH)
HỖ TRỢ NHÀ Ở CHO HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN
CÁC HUYỆN NGHÈO, TỈNH KON TUM THUỘC CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH ĐỀ ÁN

1. Các nội dung chính của Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025, Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã phê duyệt Đề án Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo, tỉnh Kon Tum thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 tại Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2023 (gọi tắt là *Đề án 59*), với các nội dung chính như sau:

1.1. Tổng số hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo cần hỗ trợ là 876 hộ (bao gồm: xây dựng mới nhà ở 606 hộ, sửa chữa nhà ở 270 hộ).

1.2. Định mức hỗ trợ và giải ngân vốn hỗ trợ

- Nhà ở xây mới 44 triệu đồng/hộ; trong đó: ngân sách trung ương 40 triệu đồng/hộ, ngân sách địa phương (ngân sách cấp huyện) 4 triệu đồng/hộ;

- Sửa chữa nhà ở 22 triệu đồng/hộ; trong đó: ngân sách trung ương 20 triệu đồng/hộ, ngân sách địa phương (ngân sách cấp huyện) 2 triệu đồng/hộ;

- Cơ chế quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí: Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định hiện hành khác có liên quan.

1.3. Tổng số vốn thực hiện và phân khai nguồn vốn thực hiện Đề án

- Tổng số vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương (*ngân sách cấp huyện*) thực hiện là 32.604 triệu đồng (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở 26.664 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 5.940 triệu đồng*), gồm có:

+ Vốn ngân sách trung ương: 29.640 triệu đồng (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở 24.240 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 5.400 triệu đồng*).

+ Vốn ngân sách địa phương (*ngân sách cấp huyện*): 2.964 triệu đồng (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở 2.424 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 540 triệu đồng*).

- Các nguồn vốn hợp pháp khác: Theo nguồn vốn thực tế huy động được (*nếu có*).

1.4. Tiến độ thực hiện

Đến tháng 12 năm 2025 thực hiện hoàn thành việc hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo là 876 hộ (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở 606 hộ và sửa chữa nhà ở 270 hộ*), cụ thể như sau:

- Năm 2023: Dự kiến thực hiện hỗ trợ khoảng 530 hộ (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở 359 hộ và sửa chữa nhà ở 171 hộ*).

- Năm 2024: Dự kiến thực hiện hỗ trợ khoảng: 176 hộ (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở 126 hộ và sửa chữa nhà ở 50 hộ*).

- Năm 2025: Dự kiến thực hiện hỗ trợ khoảng: 170 hộ (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở 121 hộ và sửa chữa nhà ở 49 hộ*).

1.5. Tiến độ huy động vốn hàng năm

a) Năm 2023

- Vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (*ngân sách cấp huyện*) thực hiện hỗ trợ: 19.558 triệu đồng (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở 15.796 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 3.762 triệu đồng*), trong đó:

+ Vốn ngân sách trung ương là 17.780 triệu đồng (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở 14.360 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 3.420 triệu đồng*).

+ Vốn ngân sách địa phương (*ngân sách cấp huyện*) là 1.778 triệu đồng (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở 1.436 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 342 triệu đồng*).

- Các nguồn vốn hợp pháp khác: Theo nguồn vốn thực tế huy động được (*nếu có*).

b) Năm 2024

- Vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (*ngân sách cấp huyện*) thực hiện hỗ trợ là: 6.644 triệu đồng (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở 5.544 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 1.100 triệu đồng*), trong đó:

+ Vốn ngân sách trung ương là 6.040 triệu đồng (bao gồm: xây dựng mới nhà ở 5.040 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 1.000 triệu đồng).

+ Vốn ngân sách địa phương (ngân sách cấp huyện) là 604 triệu đồng (bao gồm: xây dựng mới nhà ở 504 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 100 triệu đồng).

- Các nguồn vốn hợp pháp khác: Theo nguồn vốn thực tế huy động được (nếu có).

c) Năm 2025

- Vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (ngân sách cấp huyện) thực hiện hỗ trợ là 6.402 triệu đồng (bao gồm: xây dựng mới nhà ở 5.324 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 1.078 triệu đồng), trong đó:

+ Vốn ngân sách trung ương là 5.820 triệu đồng (bao gồm: xây dựng mới nhà ở 4.840 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 980 triệu đồng).

+ Vốn ngân sách địa phương (ngân sách cấp huyện) là 582 triệu đồng (bao gồm: xây dựng mới nhà ở 484 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 98 triệu đồng).

- Các nguồn vốn hợp pháp khác: Theo nguồn vốn thực tế huy động được (nếu có).

2. Đánh giá kết quả thực hiện Đề án 59

Sau khi Đề án phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện: Kon Plông, Tu Mơ Rông, Ia H'Drai ban hành kế hoạch và kiến toàn Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia của huyện giai đoạn 2021 - 2025 để triển khai thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn huyện; đồng thời, chỉ đạo Sở Xây dựng phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Đề án⁽¹⁾.

Đến nay đã thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo là 565 hộ (bao gồm: xây dựng mới nhà ở là 384 hộ, sửa chữa nhà ở là 181 hộ) và thực hiện giải ngân vốn ngân sách nhà nước là 20.691,2 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương đã cấp là: 18.851,2 triệu đồng và ngân sách địa phương là 1.840 triệu đồng. Qua đó đã góp phần cải thiện về điều kiện nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo: Ia H'Drai, Kon Plông, Tu Mơ Rông.

3. Sự cần thiết lập điều chỉnh Đề án 59

Qua kết quả đạt được, tuy nhiên trong quá trình triển khai thực hiện, có các trường hợp hộ nghèo, cận nghèo có nhu cầu xây dựng mới hoặc sửa chữa

⁽¹⁾ Tại các Công văn: số 2144/UBND-HTKT ngày 07 tháng 7 năm 2023, số 3006/UBND-HTKT ngày 11 tháng 9 năm 2023, số 3663/UBND-HTKT ngày 25 tháng 10 năm 2023, số 506/UBND-HTKT ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum và các văn bản liên quan.

nhà ở được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt danh sách kèm theo Đề án được phê duyệt nhưng đã được hỗ trợ từ chương trình, chính sách hỗ trợ khác hoặc đã chuyển đi nơi khác sinh sống hoặc đã thoát nghèo (*không còn thuộc đối tượng là hộ nghèo, cận nghèo trong danh sách hộ nghèo, cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý*). Đồng thời phát sinh mới hộ nghèo, cận nghèo có khó khăn về nhà ở (*do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý*) nhưng nằm ngoài danh sách kèm theo Đề án được phê duyệt (*đảm bảo về quy định đối tượng tại điểm b khoản 5 Mục III Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng*).

Triển khai Công văn số 5418/BXD-QLN ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Bộ Xây dựng về việc trả lời kiến nghị của Đại biểu Quốc hội Phạm Đình Thanh, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã chỉ đạo⁽²⁾ Ủy ban nhân dân các huyện: Ia H'Drai, Kon Plông, Tu Mơ Rông rà soát, tổng hợp và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh sách hộ nghèo, cận nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở trên địa bàn huyện. Qua rà soát, tổng số hộ điều chỉnh, bổ sung là 930 hộ (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở là 655 hộ và sửa chữa nhà ở là 275 hộ*), tăng so với tổng số hộ kèm theo Đề án 59 là 54 hộ (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở 49 hộ và sửa chữa nhà ở là 5 hộ*).

Để đảm bảo tình hình thực tế, đúng mục đích và hiệu quả trong việc thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo, tỉnh Kon Tum và hướng dẫn của Bộ Xây dựng; Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án (*điều chỉnh*) gửi các Bộ, ngành liên quan để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

II. NỘI DUNG ĐỀ ÁN (ĐIỀU CHỈNH)

1. Các căn cứ lập Đề án (điều chỉnh)

- Điều 6 Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

- Công văn số 5418/BXD-QLN ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Bộ Xây dựng về việc trả lời kiến nghị của Đại biểu Quốc hội Phạm Đình Thanh;

- Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo, tỉnh Kon Tum thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

⁽²⁾ Công văn số 506/UBND-HTKT ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Công văn số Văn bản số 506/UBND-HTKT ngày 07 tháng 02 năm 2023 Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo;

- Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở trên địa bàn huyện: Ia H'Drai⁽³⁾, Kon Plông⁽⁴⁾, Tu Mơ Rông⁽⁵⁾ sau khi rà soát, điều chỉnh, bổ sung.

2. Nội dung điều chỉnh

Tổng số hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (*Ia H'Drai, Kon Plông, Tu Mơ Rông*) thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở điều chỉnh, bổ sung là 930 hộ, trong đó: xây dựng mới là 655 hộ và sửa chữa là 275 hộ, cụ thể như sau:

- Tổng số hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở theo danh sách kèm theo Đề án được phê duyệt nhưng đã được hỗ trợ từ chương trình, chính sách hỗ trợ khác hoặc đã chuyển đi nơi khác sinh sống hoặc đã thoát nghèo (*không còn thuộc đối tượng là hộ nghèo, cận nghèo trong danh sách hộ nghèo, cận nghèo do xã quản lý*) loại ra khỏi danh sách, không thực hiện hỗ trợ theo Đề án được phê duyệt là 152 hộ, trong đó: xây dựng nhà ở mới 121 hộ và sửa chữa nhà ở 31 hộ.

- Tổng số hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở theo danh sách kèm theo Đề án được phê duyệt còn lại (*sau khi loại ra khỏi danh sách, không thực hiện hỗ trợ đối với các trường hợp trên*) là 724 hộ, trong đó: xây dựng nhà ở mới 485 hộ và sửa chữa nhà ở 239 hộ.

⁽³⁾ Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung hộ nghèo, cận nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở trên địa bàn huyện Ia H'Drai thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (*thay thế Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai*); các Công văn tham gia ý kiến góp ý về Đề án điều chỉnh: số 1341/UBND-TH ngày 22 tháng 7 năm 2024, số 1545/UBND-TH ngày 21 tháng 8 năm 2024.

⁽⁴⁾ Các Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông: số 1094/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc phê duyệt danh sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn huyện Kon Plông thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; số 212/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn huyện Kon Plông tại Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông; số 533/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc phê duyệt điều chỉnh danh sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn huyện Kon Plông tại Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông; các văn bản tham gia ý kiến góp ý về Đề án điều chỉnh: Báo cáo số 349/BC-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2024, Công văn số 1551/UBND-KTHT ngày 24 tháng 8 năm 2024.

⁽⁵⁾ Các Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông: số 403/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2022 về việc phê duyệt danh sách hộ nghèo, cận nghèo có nhu cầu hỗ trợ xây mới và sửa chữa nhà ở trên địa bàn Tu Mơ Rông thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; số 143/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc phê duyệt danh sách điều chỉnh, bổ sung hộ nghèo, cận nghèo có nhu cầu hỗ trợ xây mới và sửa chữa nhà ở trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; các văn bản tham gia ý kiến góp ý về Đề án điều chỉnh: Báo cáo số 576/BC-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2024, Công văn số 2423/UBND-KTHT ngày 22 tháng 8 năm 2024.

- Tổng số hộ nghèo, cận nghèo có khó khăn về nhà ở (do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý) nằm ngoài danh sách kèm theo Đề án đã được phê duyệt, bổ sung lần này là 206 hộ, trong đó: xây dựng nhà ở mới 170 hộ và sửa chữa nhà ở 36 hộ.

(Chi tiết có Phụ lục I kèm theo)

1.1. Huyện Ia H'Drai: Tổng số hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện Ia H'Drai thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở là 162 hộ, trong đó: xây dựng mới nhà ở 62 hộ và sửa chữa nhà ở 100 hộ, cụ thể như sau:

- Tổng số hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở theo danh sách kèm theo Đề án được phê duyệt nhưng đã được hỗ trợ từ chương trình, chính sách hỗ trợ khác hoặc đã chuyển đi nơi khác sinh sống hoặc đã thoát nghèo (*không còn thuộc đối tượng là hộ nghèo, cận nghèo trong danh sách hộ nghèo, cận nghèo do xã quản lý*) loại ra khỏi danh sách, không thực hiện hỗ trợ theo Đề án được phê duyệt là 34 hộ, trong đó: xây dựng nhà ở mới 18 hộ và sửa chữa nhà ở 16 hộ.

- Tổng số hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở theo danh sách kèm theo Đề án được phê duyệt còn lại (*sau khi loại ra khỏi danh sách, không thực hiện hỗ trợ đối với các trường hợp trên*) là 133 hộ, trong đó: xây dựng mới nhà ở 53 hộ và sửa chữa nhà ở 80 hộ.

- Tổng số hộ nghèo, cận nghèo có khó khăn về nhà ở (do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý) nằm ngoài danh sách kèm theo Đề án đã được phê duyệt, bổ sung lần này là 29 hộ, trong đó: xây dựng nhà ở mới 9 hộ và sửa chữa nhà ở 20 hộ.

1.2. Huyện Kon Plông: Tổng số hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện Kon Plông thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở là 232 hộ, trong đó: xây dựng mới nhà ở 209 hộ và sửa chữa nhà ở 23 hộ, cụ thể như sau:

- Tổng số hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở theo danh sách kèm theo Đề án được phê duyệt nhưng đã được hỗ trợ từ chương trình, chính sách hỗ trợ khác hoặc đã chuyển đi nơi khác sinh sống hoặc đã thoát nghèo (*không còn thuộc đối tượng là hộ nghèo, cận nghèo trong danh sách hộ nghèo, cận nghèo do xã quản lý*) loại ra khỏi danh sách, không thực hiện hỗ trợ theo Đề án được phê duyệt là 26 hộ, trong đó: xây dựng mới nhà ở 23 hộ và sửa chữa nhà ở 3 hộ.

- Tổng số hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở theo danh sách kèm theo Đề án được phê duyệt còn lại (*sau khi loại ra khỏi danh sách, không thực hiện hỗ trợ đối với các trường hợp trên*) là 147 hộ, trong đó: xây dựng mới nhà ở 128 hộ và sửa chữa nhà ở 19 hộ.

- Tổng số hộ nghèo, cận nghèo có khó khăn về nhà ở (do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý) nằm ngoài danh sách kèm theo Đề án đã được phê duyệt, bổ sung lần này là 85 hộ, trong đó: xây dựng mới nhà ở 81 hộ và sửa chữa nhà ở 04 hộ.

1.3. Huyện Tu Mơ Rông: Tổng số hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện Tu Mơ Rông thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở là 536 hộ, trong đó: xây dựng mới nhà ở 384 hộ và sửa chữa nhà ở 152 hộ, cụ thể như sau:

- Tổng số hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở theo danh sách kèm theo Đề án được phê duyệt nhưng đã được hỗ trợ từ chương trình, chính sách hỗ trợ khác hoặc đã chuyển đi nơi khác sinh sống hoặc đã thoát nghèo (*không còn thuộc đối tượng là hộ nghèo, cận nghèo trong danh sách hộ nghèo, cận nghèo do xã quản lý*) loại ra khỏi danh sách, không thực hiện hỗ trợ theo Đề án được phê duyệt là 92 hộ, trong đó: xây dựng mới nhà ở 80 hộ và sửa chữa nhà ở 12 hộ.

- Tổng số hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở theo danh sách kèm theo Đề án được phê duyệt còn lại (*sau khi loại ra khỏi danh sách, không thực hiện hỗ trợ đối với các trường hợp trên*) là 444 hộ, trong đó: xây dựng mới nhà ở 304 hộ và sửa chữa nhà ở 140 hộ.

- Tổng số hộ nghèo, cận nghèo có khó khăn về nhà ở (*do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý*) nằm ngoài danh sách kèm theo Đề án đã được phê duyệt, bổ sung lần này là 92 hộ, trong đó: xây dựng mới nhà ở 80 hộ và sửa chữa nhà ở 12 hộ.

2. Định mức hỗ trợ và giải ngân vốn hỗ trợ

- Nhà ở xây mới 44 triệu đồng/hộ; trong đó: ngân sách trung ương 40 triệu đồng/hộ, ngân sách địa phương (*ngân sách cấp huyện*) 04 triệu đồng/hộ;

- Sửa chữa nhà ở 22 triệu đồng/hộ; trong đó: ngân sách trung ương 20 triệu đồng/hộ, ngân sách địa phương (*ngân sách cấp huyện*) 02 triệu đồng/hộ;

- Cơ chế quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí: Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định hiện hành khác có liên quan.

3. Tổng số vốn thực hiện và phân khai nguồn vốn thực hiện

Tổng số vốn cần có để thực hiện là: 34.870 triệu đồng (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở là 28.820 triệu đồng và sửa chữa nhà ở là 6.050 triệu đồng*), gồm có:

- Vốn ngân sách Trung ương là: 31.700 triệu đồng (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở là 26.200 triệu đồng và sửa chữa nhà ở là 5.500 triệu đồng*).

- Vốn ngân sách địa phương là: 3.170 triệu đồng (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở là 2.620 triệu đồng và sửa chữa nhà ở là 550 triệu đồng*).

- Các nguồn vốn hợp pháp khác: Theo nguồn vốn thực tế huy động được (*nếu có*).

(Chi tiết có Phụ lục II kèm theo)

4. Tiến độ thực hiện và huy động vốn hàng năm

Đến tháng 12 năm 2025 thực hiện hoàn thành Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo, tỉnh Kon Tum thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

a) Năm 2023

- Số lượng: Đã thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo là 528 hộ, trong đó: xây dựng mới là 359 hộ và sửa chữa là 169 hộ.

- Tổng nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương (*ngân sách cấp huyện*) là 19.514 triệu đồng (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở 15.796 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 3.718 triệu đồng*), trong đó:

+ Vốn ngân sách trung ương là: 17.740 triệu đồng (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở 14.360 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 3.380 triệu đồng*).

+ Vốn ngân sách địa phương (*ngân sách cấp huyện*) là 1.774 triệu đồng (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở 1.436 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 338 triệu đồng*).

- Các nguồn vốn hợp pháp khác: Theo nguồn vốn thực tế huy động được (*nếu có*).

b) Năm 2024

- Số lượng: Thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo là 177 hộ, trong đó: xây dựng mới nhà ở 127 hộ và sửa chữa nhà ở 50 hộ.

- Tổng nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương (*ngân sách cấp huyện*) là 6.688 triệu đồng (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở 5.588 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 1.100 triệu đồng*), trong đó:

+ Vốn ngân sách trung ương là 6.080 triệu đồng (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở 5.080 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 1.000 triệu đồng*).

+ Vốn ngân sách địa phương (*ngân sách cấp huyện*) là 608 triệu đồng (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở 508 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 100 triệu đồng*).

- Các nguồn vốn hợp pháp khác: Theo nguồn vốn thực tế huy động được (*nếu có*).

c) Năm 2025

- Số lượng: Thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo là 225 hộ, trong đó: xây dựng mới nhà ở 169 hộ và sửa chữa nhà ở 56 hộ.

- Tổng nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương (*ngân sách cấp huyện*) là 8.668 triệu đồng (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở 7.436 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 1.232 triệu đồng*), trong đó:

+ Vốn ngân sách trung ương là: 7.880 triệu đồng (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở 6.760 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 1.120 triệu đồng*).

+ Vốn ngân sách địa phương (*ngân sách cấp huyện*) là 788 triệu đồng (*bao gồm: xây dựng mới nhà ở 676 triệu đồng và sửa chữa nhà ở 112 triệu đồng*).

- Các nguồn vốn hợp pháp khác: Theo nguồn vốn thực tế huy động được (*nếu có*).

(Chi tiết có Phụ lục III kèm theo)

5. Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Dự án 5 theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ là điều kiện để các hộ gia đình có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

2. Kiến nghị

Kính đề nghị Bộ Xây dựng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ phân bổ đầy đủ và kịp thời nguồn kinh phí hỗ trợ để tỉnh Kon Tum có cơ sở thực hiện chính sách kịp thời, đúng tiến độ đề ra./.

Phụ lục I
TỔNG SỐ HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO (ĐIỀU CHỈNH)
THUỘC DIỆN ĐƯỢC HỖ TRỢ NHÀ Ở TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NGHÈO, TỈNH KON TUM
(Kèm theo Đề án (điều chỉnh) Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo, tỉnh Kon Tum thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2021 - 2025)

TT	Tên huyện	Tổng cộng hộ nghèo, cận nghèo được hỗ trợ nhà ở (hộ)	Trong đó:				Phân loại đối tượng ưu tiên					
			Số hộ nghèo được hỗ trợ nhà ở (hộ)	Số hộ cận nghèo được hỗ trợ nhà ở (hộ)	Xây mới nhà ở (hộ)	Sửa chữa nhà ở (hộ)	Hộ nghèo dân tộc thiểu số (hộ)	Hộ nghèo có thành viên là người có công cách mạng (hộ)	Hộ nghèo, hộ cận nghèo có thành viên thuộc đối tượng bảo trợ xã hội (hộ)	Hộ nghèo, hộ cận nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (<i>người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật</i>) (hộ)	Hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai (hộ)	Các hộ nghèo, cận nghèo còn lại (hộ)
<i>A</i>	<i>I</i>	$2=3+4=5+6=7+8+9+10+11+12$	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
1	Huyện Ia H'Drai	162	112	50	62	100	71					91
2	Huyện Kon Plông	232	223	9	209	23	226					9
3	Huyện Tu Mơ Rông	536	536	0	384	152	536					0
	Tổng cộng	930	871	59	655	275	830	0	0	0	0	100

Phụ lục II

**TỔNG SỐ VỐN THỰC HIỆN VÀ PHÂN KHAI NGUỒN VỐN THỰC HIỆN HỖ TRỢ NHÀ Ở
CHO HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN NGHÈO, TỈNH KON TUM**

*(Kèm theo Đề án (điều chỉnh) Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo,
tỉnh Kon Tum thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2021 - 2025)*

TT	Tên huyện	Tổng số hộ điều chỉnh, bổ sung thực hiện giai đoạn 2023-2025 (hộ)	Trong đó:		Tổng ngân sách trung ương và địa phương (ngân sách cấp huyện) thực hiện giai đoạn 2023-2025 (tr.đ)	Trong đó:		Chia ra:					
			Xây mới nhà ở (hộ)	Sửa chữa nhà ở (hộ)		Xây mới nhà ở (tr.đ)	Sửa chữa nhà ở (tr.đ)	Ngân sách trung ương (tr.đ)	Gồm có:		Ngân sách địa phương (ngân sách cấp huyện) (tr.đ)	Gồm có:	
									Xây mới nhà ở (tr.đ)	Sửa chữa nhà ở (tr.đ)		Xây mới nhà ở (tr.đ)	Sửa chữa nhà ở (tr.đ)
A	I	2=3+4	3	4	5=6+7=8+11	6=9+12	7=10+13	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13
1	Huyện Ia H'Drai	162	62	100	4.928	2.728	2.200	4.480	2.480	2.000	448	248	200
2	Huyện Kon Plông	232	209	23	9.702	9.196	506	8.820	8.360	460	882	836	46
3	Huyện Tu Mơ Rông	536	384	152	20.240	16.896	3.344	18.400	15.360	3.040	1.840	1.536	304
	Tổng cộng:	930	655	275	34.870	28.820	6.050	31.700	26.200	5.500	3.170	2.620	550

Phụ lục III
TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

(Kèm theo Đề án (điều chỉnh) Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo,
tỉnh Kon Tum thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2021 - 2025)

1. NĂM 2023

TT	Tên huyện	Tổng số hộ đã thực hiện năm 2023 (hộ)	Trong đó:		Tổng ngân sách trung ương và địa phương (<i>ngân sách cấp huyện</i>) thực hiện năm 202 (tr.đ)	Trong đó:		Chia ra:					
			Xây mới nhà ở (hộ)	Sửa chữa nhà ở (hộ)		Xây mới nhà ở (tr.đ)	Sửa chữa nhà ở (tr.đ)	Ngân sách trung ương (tr.đ)	Gồm có:		Ngân sách địa phương (<i>ngân sách cấp huyện</i>) thực hiện năm 2023 (tr.đ)	Gồm có:	
									Xây mới nhà ở (tr.đ)	Sửa chữa nhà ở (tr.đ)		Xây mới nhà ở (tr.đ)	Sửa chữa nhà ở (tr.đ)
A	I	2=3+4	3	4	5=6+7=8+11	6=9+12	7=10+13	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13
1	Huyện Ia H'Drai	124	46	78	3.740	2.024	1.716	3.400	1.840	1.560	340	184	156
2	Huyện Kon Plông	93	82	11	3.850	3.608	242	3.500	3.280	220	350	328	22
3	Huyện Tu Mơ Rông	311	231	80	11.924	10.164	1.760	10.840	9.240	1.600	1.084	924	160
	Tổng cộng:	528	359	169	19.514	15.796	3.718	17.740	14.360	3.380	1.774	1.436	338

2. NĂM 2024

TT	Tên huyện	Tổng số hộ thực hiện năm 2024 (hộ)	Trong đó:		Tổng ngân sách trung ương và địa phương (ngân sách cấp huyện) thực hiện năm 2024 (tr.đ)	Trong đó:		Chia ra:					
			Xây mới nhà ở (hộ)	Sửa chữa nhà ở (hộ)		Xây mới nhà ở (tr.đ)	Sửa chữa nhà ở (tr.đ)	Ngân sách trung ương (tr.đ)	Gồm có:		Ngân sách địa phương (ngân sách cấp huyện) (tr.đ)	Gồm có:	
									Xây mới nhà ở (tr.đ)	Sửa chữa nhà ở (tr.đ)		Xây mới nhà ở (tr.đ)	Sửa chữa nhà ở (tr.đ)
A	I	2=3+4	3	4	5=6+7=8+11	6=9+12	7=10+13	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13
1	Huyện Ia H'Drai	24	11	13	770	484	286	700	440	260	70	44	26
2	Huyện Kon Plông	42	36	6	1.716	1.584	132	1.560	1.440	120	156	144	12
3	Huyện Tu Mơ Rông	111	80	31	4.202	3.520	682	3.820	3.200	620	382	320	62
	Tổng cộng:	177	127	50	6.688	5.588	1.100	6.080	5.080	1.000	608	508	100

3. NĂM 2025

TT	Tên huyện	Tổng số hộ thực hiện năm 2025 (hộ)	Trong đó:		Tổng ngân sách trung ương và địa phương (<i>ngân sách cấp huyện</i>) thực hiện năm 2025 (tr.đ)	Trong đó:		Chia ra:					
			Xây mới nhà ở (hộ)	Sửa chữa nhà ở (hộ)		Xây mới nhà ở (tr.đ)	Sửa chữa nhà ở (tr.đ)	Ngân sách trung ương (tr.đ)	Gồm có:		Ngân sách địa phương (<i>ngân sách cấp huyện</i>) (tr.đ)	Gồm có:	
									Xây mới nhà ở (tr.đ)	Sửa chữa nhà ở (tr.đ)		Xây mới nhà ở (tr.đ)	Sửa chữa nhà ở (tr.đ)
A	I	2=3+4	3	4	5=6+7=8+11	6=9+12	7=10+13	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13
1	Huyện Ia H'Drai	14	5	9	418	220	198	380	200	180	38	20	18
2	Huyện Kon Plông	97	91	6	4.136	4.004	132	3.760	3.640	120	376	364	12
3	Huyện Tu Mơ Rông	114	73	41	4.114	3.212	902	3.740	2.920	820	374	292	82
	Tổng cộng:	225	169	56	8.668	7.436	1.232	7.880	6.760	1.120	788	676	112